

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Khoàng Văn Hặc.

2. Ông Nguyễn Khắc Thiện.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M Chà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ L số: 31/2022/HNGĐ-ST ngày 22/4/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Q T L – Sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Bản M 1, xã M Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

Bị đơn: Anh L Q C – Sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Bản P C, xã M Tùng, huyện M Chà, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt có L do. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Q T L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L Q C sau một thời gian tìm hiểu anh chị tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/05/2012 tại ủy ban nhân dân xã M Tùng, huyện M Chà, tỉnh Điện Biên. Anh chị đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống với nhau tại bản P C, xã M Tùng, huyện M Chà, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Cho đến tháng 08/2019 bắt đầu phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh C sử dụng, nghiện chất ma túy, chị L đã khuyên bảo anh C bỏ ma túy nhưng anh C không nghe,

ngày càng sử dụng nhiều hơn. Do anh C nghiện ma túy, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày càng khó khăn, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đôi khi dẫn đến xô sát. Đến ngày 26/10/2019 chị không chịu đựng được chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, còn anh C đi làm thuê, rồi tàng trữ trái phép chất ma túy túy bị Tòa án xét xử 15 tháng tù hiện đang chấp hành án tại trại giam. Anh chị hiện không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo cho cuộc sống của chị và con sau này chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung, cháu L T Đ, sinh ngày 22/12/2014.

Hiện cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu, cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đủ khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Vì hiện nay anh C đang phải đi chấp hành án.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn anh L Q C vắng mặt. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh trình bày:

- Anh và cô Q T L sau một thời gian tìm hiểu yêu thương anh chị tiến tới hôn nhân, anh chị tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/05/2012 tại UBND xã M Tùng, huyện M Chà, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không tránh khỏi được việc xảy ra cãi nhau nhưng chưa đến mức đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Nay cô L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý, nếu cô L cứ cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với cô L.

- Về con chung: Anh chị có 1 con chung cháu L T Đ, sinh ngày 22/12/2014. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng để cho chị L trông nom chăm sóc nuôi dưỡng cho cháu và anh không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L, vì hiện nay anh đang phải đi chấp hành án, khi nào anh chấp hành án xong trở về nhà anh sẽ thay đổi việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho con sau.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do anh còn phải chấp hành án không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được, vậy anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, khi nào Tòa án giải quyết, xét xử vụ án cho anh xin được vắng mặt. Vì những gì cần khai anh đã khai đầy đủ, anh không có ý kiến gì bổ sung thêm.

* Nguyện vọng của cháu L T Đ: Cháu có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn chung sống cùng với mẹ.

* Quá trình xác minh của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện M Chà tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và khả năng nuôi con của vợ chồng chị L và anh C tại bản P C, xã M Tùng, huyện M Chà, tỉnh Điện Biên: Chị

L và anh C đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã M Tùng. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh C nghiện chất ma túy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện anh C đang đi chấp hành án, chị L hiện là giáo viên mầm non xã Pa Ham, huyện M Chà, chị có thu nhập hàng tháng ổn định, đủ chi tiêu nuôi dưỡng chăm sóc con.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 228/BLTTDS; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 69, 70, 71 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Q T L. Tuyên xử cho chị Q T L được ly hôn với anh L Q C. Giao cháu L T Đ sinh ngày 22/12/2014 cho chị Q T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L. Về tài sản và nợ chung của vợ chồng không có, không đặt vấn đề xem xét.

* *Về án phí:* Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Quàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, bị đơn trú tại bản P C, xã M Tùng, huyện M Chà, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện M Chà, tỉnh Điện Biên thụ L giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ L vụ án, Tòa án đã ủy thác tổng đạt và yêu cầu trại giam Thanh Phong tiến lấy lời khai của anh C. Anh C đã viết bản tự khai cũng như quá trình lấy lời khai anh trình bày hiện đang phải chấp hành án không thể đến Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ việc được, khi nào Tòa án giải quyết, xét xử vụ án cho anh xin được vắng mặt, anh đề nghị không tiến hành hòa giải, vì anh không thể có mặt tại Tòa án được. Vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh C theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, được sự nhất trí của hai bên gia đình, anh chị tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký hôn với nhau vào ngày 10/5/2012 tại UBND xã M Tùng, huyện M Chà. Việc anh chị đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh C là hôn nhân hợp pháp

được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C lao vào con đường nghiện chất ma túy, từ đó giữa vợ chồng, thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Đỉnh điểm cao nhất việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là vào tháng 8 năm 2019 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh C bị bắt về tội liên quan đến ma túy, hiện anh C đang chấp hành án tại trại giam.

Xét thấy chị Q T L và anh L Q C sống ly thân với nhau từ tháng 08/2019 không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy và để đảm bảo cho cuộc sống của chị L, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L đối với anh C. Tuyên xử cho chị Q T L được ly hôn với anh L Q C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung: cháu L T Đ sinh ngày 22/12/2014.

Xét về điều kiện nuôi con, quá trình xác minh cho thấy anh C hiện phải chấp hành án, anh cũng có nguyện vọng để cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung và anh không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L. Chị L có công việc thu nhập ổn định, chị có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho con chung cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng với chị; đồng thời nguyện vọng của cháu Đạt nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ. Do đó áp dụng các Điều 58; 69; 70; 71; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Cần giao cháu L T Đ sinh ngày 22/12/2014 cho chị Q T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu, cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Anh L Q C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Chị L và anh C đều có ý kiến không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M Chà, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Q T L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Q T L. Chị Q T L được ly hôn với anh L Q C.

2. Về con chung: Giao cháu L T Đ sinh ngày 22/12/2014 cho chị Q T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị Q T L không yêu cầu anh L Q C phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Anh L Q C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Q T L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp tại biên lai số: 0006761 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M Chà, tỉnh Điện Biên. Chị Q T L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Q T L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/6/2022. Anh L Q C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh ĐB;
- Viện kiểm sát huyện M Chà;
- Chi cục THADS huyện M Chà;
- UBND xã M Tùng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh